

**GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026**

(Kèm theo QĐ số: 1850/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Đồng Thịnh)

Đơn vị: Trường THCS Nghĩa Đồng

Chương: 822

Mã ĐVSĐNS: 1002732

ĐVT: Đồng

Chương	Loại	Khoản	Diễn Giải	Dự toán
822	070	073	<b>Kinh phí được giao tự chủ (Nguồn 13)</b>	<b>5,805,791,177</b>
			<b>Trong đó:</b>	
			- Chính sách miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ( <b>Trong đó 40% dùng CCTL</b> )	379,350,000
			- Chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	4,050,000
			- Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học bổng, phương tiện học tập cho người khuyết tật	33,696,000
822	070	073	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng (Nguồn 18)</b>	<b>287,006,000</b>
			<b>Tổng cộng</b>	<b>6,092,797,177</b>

Dự toán đảm bảo đủ quỹ tiền lương, thưởng, các khoản có tính chất lương (theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng). Kinh phí nguồn trung ương cấp để thực hiện chính sách miễn giảm học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP. Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP. Kinh phí thực hiện chính sách phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP. Chính sách hỗ trợ học bổng, phương tiện học tập cho người khuyết tật Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC. Kinh phí chi cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật theo Nghị định 113/2015/NĐ-CP, kinh phí tổ chức lễ khai giảng, kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam, tổ chức Tết Trung thu, tăng cường cơ sở vật chất cho các nhà trường và thực hiện các nhiệm vụ khác./.

**GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026**

(Kèm theo QĐ số: 1850/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Đồng Thịnh)

Đơn vị: Trường THCS Nghĩa Thịnh

Chương: 822

Mã ĐVSDNS: 1002590

*ĐVT: Đồng*

Chương	Loại	Khoản	Diễn Giải	Dự toán
822	070	073	<b>Kinh phí được giao tự chủ (Nguồn 13)</b>	<b>6,358,290,106</b>
			Trong đó:	
			- Chính sách miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ( <b>Trong đó 40% dùng CCTL</b> )	460,350,000
			- Chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	8,100,000
			- Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học bổng, phương tiện học tập cho người khuyết tật	16,848,000
822	070	073	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng (Nguồn 18)</b>	<b>315,984,240</b>
			<b>Tổng cộng</b>	<b>6,674,274,346</b>

Dự toán đảm bảo đủ quỹ tiền lương, thưởng, các khoản có tính chất lương (theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng). Kinh phí nguồn trung ương cấp để thực hiện chính sách miễn giảm học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP. Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP. Kinh phí thực hiện chính sách phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP. Chính sách hỗ trợ học bổng, phương tiện học tập cho người khuyết tật Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC. Kinh phí chi cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật theo Nghị định 113/2015/NĐ-CP, kinh phí tổ chức lễ khai giảng, kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam, tổ chức Tết Trung thu, tăng cường cơ sở vật chất cho các nhà trường và thực hiện các nhiệm vụ khác./.

**GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026**

(Kèm theo QĐ số: 1850/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Đồng Thịnh)

Đơn vị: Trường THCS Hoàng Nam

Chương: 822

Mã ĐVSDNS: 1002731

*ĐVT: Đồng*

Chương	Loại	Khoản	Diễn Giải	Dự toán
822	070	073	<b>Kinh phí được giao tự chủ (Nguồn 13)</b>	<b>6,813,567,098</b>
			Trong đó:	
			- Chính sách miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ( <b>Trong đó 40% dùng CCTL</b> )	708,750,000
			- Chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	10,800,000
			- Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học bổng, phương tiện học tập cho người khuyết tật	16,848,000
822	070	073	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng (Nguồn 18)</b>	<b>322,526,880</b>
			<b>Tổng cộng</b>	<b>7,136,093,978</b>

Dự toán đảm bảo đủ quỹ tiền lương, thưởng, các khoản có tính chất lương (theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng). Kinh phí nguồn trung ương cấp để thực hiện chính sách miễn giảm học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP. Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP. Kinh phí thực hiện chính sách phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP. Chính sách hỗ trợ học bổng, phương tiện học tập cho người khuyết tật Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC. Kinh phí chi cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật theo Nghị định 113/2015/NĐ-CP, kinh phí tổ chức lễ khai giảng, kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam, tổ chức Tết Trung thu, tăng cường cơ sở vật chất cho các nhà trường và thực hiện các nhiệm vụ khác./.

**GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026**

(Kèm theo QĐ số: 1850/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Đồng Thịnh)

Đơn vị: Trường THCS Nghĩa Minh

Chương: 822

Mã ĐVSDNS: 1002730

*DVT: Đồng*

Chương	Loại	Khoản	Diễn Giải	Dự toán
822	070	073	<b>Kinh phí được giao tự chủ (Nguồn 13)</b>	<b>4,661,124,250</b>
			Trong đó:	
			- Chính sách miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ( <b>Trong đó 40% dùng CCTL</b> )	382,050,000
			- Chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	6,750,000
			- Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học bổng, phương tiện học tập cho người khuyết tật	16,848,000
822	070	073	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng (Nguồn 18)</b>	<b>234,972,000</b>
			<b>Tổng cộng</b>	<b>4,896,096,250</b>

Dự toán đảm bảo đủ quỹ tiền lương, thưởng, các khoản có tính chất lương (theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng). Kinh phí nguồn trung ương cấp để thực hiện chính sách miễn giảm học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP. Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP. Kinh phí thực hiện chính sách phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP. Chính sách hỗ trợ học bổng, phương tiện học tập cho người khuyết tật Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC. Kinh phí chi cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật theo Nghị định 113/2015/NĐ-CP, kinh phí tổ chức lễ khai giảng, kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam, tổ chức Tết Trung thu, tăng cường cơ sở vật chất cho các nhà trường và thực hiện các nhiệm vụ khác./.

**GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026**

(Kèm theo QĐ số: 1850/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Đồng Thịnh)

Đơn vị: Trường Tiểu học Nghĩa Đồng

Chương: 822

Mã ĐVSDNS: 1087214

*ĐVT: Đồng*

Chương	Loại	Khoản	Diễn Giải	Dự toán
822	070	072	<b>Kinh phí được giao tự chủ (Nguồn 13)</b>	<b>5,653,217,573</b>
			Trong đó:	
			- Chính sách miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ( <b>Trong đó 40% dùng CCTL</b> )	379,350,000
			- Chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	5,400,000
			- Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học bổng, phương tiện học tập cho người khuyết tật	16,848,000
822	070	072	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng (Nguồn 18)</b>	<b>264,401,000</b>
			<b>Tổng cộng</b>	<b>5,917,618,573</b>

Dự toán đảm bảo đủ quỹ tiền lương, thưởng, các khoản có tính chất lương (theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng). Kinh phí nguồn trung ương cấp để thực hiện chính sách miễn giảm học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP. Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP. Kinh phí thực hiện chính sách phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP. Chính sách hỗ trợ học bổng, phương tiện học tập cho người khuyết tật Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC. Kinh phí chi cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật theo Nghị định 113/2015/NĐ-CP, kinh phí tổ chức lễ khai giảng, kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam, tổ chức Tết Trung thu, tăng cường cơ sở vật chất cho các nhà trường và thực hiện các nhiệm vụ khác./.

**GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026**

(Kèm theo QĐ số: 1850/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Đồng Thịnh)

Đơn vị: Trường Tiểu học Nghĩa Thịnh

Chương: 822

Mã ĐVSĐNS: 1087215

*ĐVT: Đồng*

Chương	Loại	Khoản	Diễn Giải	Dự toán
822	070	072	<b>Kinh phí được giao tự chủ (Nguồn 13)</b>	<b>5,569,628,359</b>
			Trong đó:	
			- Chính sách miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ( <b>Trong đó 40% dùng CCTL</b> )	488,700,000
			- Chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	4,050,000
822	070	072	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng (Nguồn 18)</b>	<b>252,551,520</b>
			<b>Tổng cộng</b>	<b>5,822,179,879</b>

Dự toán đảm bảo đủ quỹ tiền lương, thưởng, các khoản có tính chất lương (theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng). Kinh phí nguồn trung ương cấp để thực hiện chính sách miễn giảm học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP. Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP. Kinh phí thực hiện chính sách phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP. Chính sách hỗ trợ học bổng, phương tiện học tập cho người khuyết tật Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC. Kinh phí chi cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật theo Nghị định 113/2015/NĐ-CP, kinh phí tổ chức lễ khai giảng, kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam, tổ chức Tết Trung thu, tăng cường cơ sở vật chất cho các nhà trường và thực hiện các nhiệm vụ khác./.

**GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026**

(Kèm theo QĐ số: 1850/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Đồng Thịnh)

Đơn vị: Trường Tiểu học Hoàng Nam

Chương: 822

Mã ĐVSDNS: 1087217

*ĐVT: Đồng*

Chương	Loại	Khoản	Diễn Giải	Dự toán
822	070	072	<b>Kinh phí được giao tự chủ (Nguồn 13)</b>	<b>7,512,061,000</b>
			Trong đó:	
			- Chính sách miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ( <b>Trong đó 40% dùng CCTL</b> )	903,150,000
			- Chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	9,450,000
822	070	072	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng (Nguồn 18)</b>	<b>346,844,000</b>
			<b>Tổng cộng</b>	<b>7,858,905,000</b>

Dự toán đảm bảo đủ quỹ tiền lương, thưởng, các khoản có tính chất lương (theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng). Kinh phí nguồn trung ương cấp để thực hiện chính sách miễn giảm học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP. Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP. Kinh phí thực hiện chính sách phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP. Chính sách hỗ trợ học bổng, phương tiện học tập cho người khuyết tật Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC. Kinh phí chi cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật theo Nghị định 113/2015/NĐ-CP, kinh phí tổ chức lễ khai giảng, kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam, tổ chức Tết Trung thu, tăng cường cơ sở vật chất cho các nhà trường và thực hiện các nhiệm vụ khác./.

**GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026**

(Kèm theo QĐ số: 1850/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Đồng Thịnh)

Đơn vị: Trường Tiểu học Nghĩa Minh

Chương: 822

Mã ĐVSDNS: 1087216

*DVT: Đồng*

Chương	Loại	Khoản	Diễn Giải	Dự toán
822	070	072	<b>Kinh phí được giao tự chủ (Nguồn 13)</b>	<b>4,768,790,603</b>
			Trong đó:	
			- Chính sách miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ( <b>Trong đó 40% dùng CCTL</b> )	531,900,000
			- Chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	2,700,000
822	070	072	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng (Nguồn 18)</b>	<b>223,909,920</b>
			<b>Tổng cộng</b>	<b>4,992,700,523</b>

Dự toán đảm bảo đủ quỹ tiền lương, thưởng, các khoản có tính chất lương (theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng). Kinh phí nguồn trung ương cấp để thực hiện chính sách miễn giảm học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP. Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP. Kinh phí thực hiện chính sách phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP. Chính sách hỗ trợ học bổng, phương tiện học tập cho người khuyết tật Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC. Kinh phí chi cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật theo Nghị định 113/2015/NĐ-CP, kinh phí tổ chức lễ khai giảng, kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam, tổ chức Tết Trung thu, tăng cường cơ sở vật chất cho các nhà trường và thực hiện các nhiệm vụ khác./.

**GIAO DƯ' TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026**

(Kèm theo QĐ số: 1850/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Đồng Thịnh)

Đơn vị: Trường Mầm Non Nghĩa Đồng

Chương: 822

Mã ĐVSDNS: 1130669

ĐVT: Đồng

Chương	Loại	Khoản	Diễn Giải	Dự toán
822	070	071	<b>Kinh phí được giao tự chủ (Nguồn 13)</b>	<b>4,830,504,363</b>
			Trong đó:	
			- Chính sách miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ( <b>Trong đó 40% dùng CCTL</b> )	345,600,000
			- Chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	1,350,000
			- Kinh phí thực hiện chính sách phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP	5,760,000
822	070	071	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng (Nguồn 18)</b>	<b>237,669,120</b>
			<b>Tổng cộng</b>	<b>5,068,173,483</b>

Dự toán đảm bảo đủ quỹ tiền lương, thưởng, các khoản có tính chất lương (theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng). Kinh phí nguồn trung ương cấp để thực hiện chính sách miễn giảm học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP. Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP. Kinh phí thực hiện chính sách phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP. Chính sách hỗ trợ học bổng, phương tiện học tập cho người khuyết tật Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC. Kinh phí chi cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật theo Nghị định 113/2015/NĐ-CP, kinh phí tổ chức lễ khai giảng, kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam, tổ chức Tết Trung thu, tăng cường cơ sở vật chất cho các nhà trường và thực hiện các nhiệm vụ khác./.

**GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026**

(Kèm theo QĐ số: 1850/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Đồng Thịnh)

Đơn vị: Trường Mầm Non Nghĩa Thịnh

Chương: 822

Mã ĐVSĐNS: 1130668

*ĐVT: Đồng*

Chương	Loại	Khoản	Diễn Giải	Dự toán
822	070	071	<b>Kinh phí được giao tự chủ (Nguồn 13)</b>	<b>6,882,831,582</b>
			Trong đó:	
			- Chính sách miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ( <b>Trong đó 40% dùng CCTL</b> )	475,200,000
			- Chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	0
			- Kinh phí thực hiện chính sách phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP	5,760,000
822	070	071	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng (Nguồn 18)</b>	<b>323,888,840</b>
			<b>Tổng cộng</b>	<b>7,206,720,422</b>

Dự toán đảm bảo đủ quỹ tiền lương, thưởng, các khoản có tính chất lương (theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng). Kinh phí nguồn trung ương cấp để thực hiện chính sách miễn giảm học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP. Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP. Kinh phí thực hiện chính sách phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP. Chính sách hỗ trợ học bổng, phương tiện học tập cho người khuyết tật Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC. Kinh phí chi cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật theo Nghị định 113/2015/NĐ-CP, kinh phí tổ chức lễ khai giảng, kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam, tổ chức Tết Trung thu, tăng cường cơ sở vật chất cho các nhà trường và thực hiện các nhiệm vụ khác./.

**GIAO DƯ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026**

(Kèm theo QĐ số: 1850/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Đồng Thịnh)

Đơn vị: Trường Mầm Non Hoàng Nam

Chương: 822

Mã ĐVSĐNS: 1130666

ĐVT: Đồng

Chương	Loại	Khoản	Diễn Giải	Dự toán
822	070	071	<b>Kinh phí được giao tự chủ (Nguồn 13)</b>	<b>7,038,321,000</b>
			Trong đó:	
			- Chính sách miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ( <b>Trong đó 40% dùng CCTL</b> )	684,000,000
			- Chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	1,350,000
			- Kinh phí thực hiện chính sách phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP	5,760,000
			- Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học bổng, phương tiện học tập cho người khuyết tật	
822	070	071	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng (Nguồn 18)</b>	<b>332,228,000</b>
			<b>Tổng cộng</b>	<b>7,370,549,000</b>

Dự toán đảm bảo đủ quỹ tiền lương, thưởng, các khoản có tính chất lương (theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng). Kinh phí nguồn trung ương cấp để thực hiện chính sách miễn giảm học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP. Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP. Kinh phí thực hiện chính sách phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP. Chính sách hỗ trợ học bổng, phương tiện học tập cho người khuyết tật Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC. Kinh phí chi cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật theo Nghị định 113/2015/NĐ-CP, kinh phí tổ chức lễ khai giảng, kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam, tổ chức Tết Trung thu, tăng cường cơ sở vật chất cho các nhà trường và thực hiện các nhiệm vụ khác./.

**GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026**

(Kèm theo QĐ số: 1850/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Đồng Thịnh)

Đơn vị: Trường Mầm Non Nghĩa Minh

Chương: 822

Mã ĐVSĐNS: 1130665

*ĐVT: Đồng*

Chương	Loại	Khoản	Diễn Giải	Dự toán
822	070	071	<b>Kinh phí được giao tự chủ (Nguồn 13)</b>	<b>6,458,221,280</b>
			Trong đó:	
			- Chính sách miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ( <b>Trong đó 40% dùng CCTL</b> )	511,200,000
			- Chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	1,350,000
			- Kinh phí thực hiện chính sách phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP	10,080,000
822	070	071	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng (Nguồn 18)</b>	<b>309,610,080</b>
			<b>Tổng cộng</b>	<b>6,767,831,360</b>

Dự toán đảm bảo đủ quỹ tiền lương, thưởng, các khoản có tính chất lương (theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng). Kinh phí nguồn trung ương cấp để thực hiện chính sách miễn giảm học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP. Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP. Kinh phí thực hiện chính sách phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP. Chính sách hỗ trợ học bổng, phương tiện học tập cho người khuyết tật Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC. Kinh phí chi cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật theo Nghị định 113/2015/NĐ-CP, kinh phí tổ chức lễ khai giảng, kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam, tổ chức Tết Trung thu, tăng cường cơ sở vật chất cho các nhà trường và thực hiện các nhiệm vụ khác./.

**GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026**

(Kèm theo QĐ số: 1850/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Đồng Thịnh)

Đơn vị: Trạm y tế xã Đồng Thịnh

Chương: 823

Mã ĐVSDNS: 1166877

*ĐVT: Đồng*

<b>Chương</b>	<b>Loại</b>	<b>Khoản</b>	<b>Diễn Giải</b>	<b>Dự toán</b>
			<b>Kinh phí được giao tự chủ (nguồn 13)</b>	
823	130	132	Sự nghiệp y tế	3,226,184,248
823	130	151	Sự nghiệp dân số	63,000,000
			<b>Kinh phí không giao tự chủ, không giao khoản (nguồn 18 Quỹ tiền thưởng)</b>	
823	130	132	Sự nghiệp y tế	182,548,080
			<b>Tổng cộng</b>	<b>3,471,732,328</b>

Dự toán đảm bảo đủ quỹ tiền lương, thưởng, các khoản có tính chất lương (theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng). Kinh phí nguồn trung ương cấp để thực hiện chính sách miễn giảm học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP. Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP. Kinh phí thực hiện chính sách phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP. Chính sách hỗ trợ học bổng, phương tiện học tập cho người khuyết tật Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC. Kinh phí chi cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật theo Nghị định 113/2015/NĐ-CP, kinh phí tổ chức lễ khai giảng, kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam, tổ chức Tết Trung thu, tăng cường cơ sở vật chất cho các nhà trường và thực hiện các nhiệm vụ khác./.

**GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026**

(Kèm theo QĐ số: 1850/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Đồng Thịnh)

Đơn vị: Văn phòng HĐND - UBND xã Đồng Thịnh

Chương: 830

Mã ĐVSĐNS: 1152719

ĐVT: Đồng

Chương	Loại	Khoản	Diễn Giải	Dự toán
			<b>Kinh phí không giao tự chủ, không giao khoản (nguồn 12)</b>	
830	010	011	Ban quân sự xã	763,529,600
830	040	041	An ninh	1,871,836,800
830	340	341	Quản lý nhà nước HĐND	1,569,085,655
830	340	341	Quản lý nhà nước UBND	5,799,394,612
830	340	341	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng (Nguồn 18)</b>	130,656,240
			<b>Tổng cộng</b>	<b>10,134,502,907</b>

Dự toán đảm bảo đủ quỹ tiền lương, thưởng, các khoản có tính chất lương (theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng), các khoản phụ cấp theo quy định./.

- Đã bố trí để thực hiện một số các chế độ, chính sách, như: Kinh phí bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; Kinh phí chuyển đổi số; Kinh phí hỗ trợ cho lực lượng an ninh cơ sở; Kinh phí hỗ trợ cho lực lượng dân quân tự vệ, thôn đội trưởng;...

**GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026**

(Kèm theo QĐ số: 1850/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Đồng Thịnh)

Đơn vị: Phòng Văn hóa - Xã hội xã Đồng Thịnh

Chương: 832

Mã ĐVSDNS: 1152717

*ĐVT: Đồng*

Chương	Loại	Khoản	Diễn Giải	Dự toán
			<b>Kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán (nguồn 12)</b>	
832	070	085	Sự nghiệp giáo dục (GD&ĐT)	20,000,000
832	100	103	Sự nghiệp khoa học và công nghệ	200,000,000
832	130	151	Sự nghiệp dân số	44,815,680
832	160	161	Sự nghiệp văn hóa thông tin	50,000,000
832	190	191	Sự nghiệp truyền thanh	138,510,968
832	220	221	Sự nghiệp thể thao	212,000,000
832	340	362	Hội chữ thập đỏ, hội người cao tuổi	82,162,080
832	370	371	Hoạt động người có công	200,000,000
832	370	374	Hưu xã	1,397,372,400
832	370	398	Sự nghiệp xã hội	16,585,424,000
832	340	341	Hoạt động quản lý nhà nước	2,197,815,791
832	340	341	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng (Nguồn 18)</b>	77,585,040
			<b>Tổng cộng</b>	<b>21,205,685,959</b>

Dự toán đảm bảo đủ quỹ tiền lương, thưởng, các khoản có tính chất lương (theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng); các khoản phụ cấp theo quy định.

- Đã bố trí để thực hiện một số các chế độ, chính sách, như: Chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng BTXH; Chính sách trợ cấp hưu trí xã hội; Chính sách tặng quà chúc thọ, mừng thọ cho người cao tuổi; Mai táng phí; Kinh phí hỗ trợ các đối tượng khó khăn; Kinh phí khen thưởng; Sự nghiệp khoa học đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Kinh phí tổ chức lễ khai giảng, kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam, tổ chức Tết Trung thu và thực hiện các nhiệm vụ khác...

**GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026**

(Kèm theo QĐ số: 1850/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Đồng Thịnh)

Đơn vị: Phòng kinh tế xã Đồng Thịnh

Chương: 831

Mã ĐVSĐNS: 1152718

DVT: Đồng

Chương	Loại	Khoản	Diễn Giải	Dự toán
			<b>Kinh phí không giao tự chủ, không giao khoản (nguồn 12)</b>	
831	340	341	Quản lý hành chính	1,433,621,800
831	250	261	Sự nghiệp môi trường	200,000,000
831	280	281	Sự nghiệp nông nghiệp và dịch vụ	200,000,000
831	280	283	Sự nghiệp thủy lợi	150,000,000
831	280	292	Sự nghiệp giao thông	100,000,000
831	280	312	Sự nghiệp thị chính	200,000,000
831	280	332	Sự nghiệp địa chính	300,000,000
831	340	341	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng (Nguồn 18)</b>	63,601,200
			<b>Tổng cộng</b>	<b>2,647,223,000</b>

Dự toán đảm bảo đủ quỹ tiền lương, thưởng, các khoản có tính chất lương (theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng); các khoản phụ cấp theo quy định./.

- Đã bố trí để thực hiện một số các nhiệm vụ phát triển kinh tế như: Sự nghiệp môi trường, Thị chính, Địa chính, quy hoạch ...

**GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026**

(Kèm theo QĐ số: 1850/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Đồng Thịnh)

Đơn vị: Trung tâm phục vụ hành chính công xã Đồng Thịnh

Chương: 833

Mã ĐVSĐNS: 1152720

*ĐVT: Đồng*

<b>Chương</b>	<b>Loại</b>	<b>Khoản</b>	<b>Diễn Giải</b>	<b>Dự toán</b>
			<b>Kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán (nguồn 12)</b>	
833	340	341	Quản lý hành chính	898,833,360
833	340	341	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng (Nguồn 18)</b>	45,826,560
			<b>Tổng cộng</b>	<b>944,659,920</b>

Dự toán đảm bảo đủ quỹ tiền lương, thưởng, các khoản có tính chất lương (theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng); các khoản phụ cấp khác theo quy định./.

- Đã bố trí để thực hiện một số các chế độ, chính sách, như: Kinh phí thực hiện chế độ 1 cửa;...

**GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026**

(Kèm theo QĐ số: 1850/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Đông Thịnh)

Đơn vị: Văn phòng Đảng ủy xã Đông Thịnh

Chương: 819

Mã ĐVSDNS: 1152715

*DVT: Đồng*

Chương	Loại	Khoản	Diễn Giải	Dự toán
			<b>Kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán (nguồn 12)</b>	
819	340	351	Văn phòng Đảng ủy	6,799,411,754
819	340	351	Ban Xây dựng Đảng	1,046,466,151
819	340	351	Ủy ban kiểm tra Đảng	853,979,442
819	340	351	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng (Nguồn 18)</b>	156,911,040
			<b>Tổng cộng</b>	<b>8,856,768,387</b>

Dự toán đảm bảo đủ quỹ tiền lương, thưởng, các khoản có tính chất lương (theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng); các khoản phụ cấp khác theo quy định./.

- Đã bố trí để thực hiện một số các chế độ, chính sách, như: Kinh phí cho người được tặng huy hiệu Đảng; Kinh phí hỗ trợ chi hoạt động công tác Đảng; Kinh phí bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; Kinh phí chuyển đổi số; ;...

**GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026**

*(Kèm theo QĐ số: 1850/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Đồng Thịnh)*

Đơn vị: Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã Đồng Thịnh

Chương: 820

Mã ĐVSDNS: 1152716

*ĐVT: Đồng*

<b>Chương</b>	<b>Loại</b>	<b>Khoản</b>	<b>Diễn Giải</b>	<b>Dự toán</b>
			<b>Kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán (nguồn 12)</b>	
820	340	361	Ủy ban mặt trận tổ quốc	4,568,178,359
820	340	362	Các hội đoàn thể khác (Hội người cao tuổi, chữ thập đỏ ...)	120,000,000
820	340	361	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng (Nguồn 18)</b>	62,674,560
			<b>Tổng cộng</b>	<b>4,750,852,919</b>

GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: 1850/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND xã Đồng Thịnh)

Đvt: 1.000đồng

STT	Nội dung	DỰ TOÁN NĂM 2026	
		Số tiền	Ghi chú
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH (A + B)</b>	<b>180,102,000</b>	
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH</b>	<b>177,102,000</b>	
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>16,880,000</b>	
	Vốn đầu tư XDCB tập trung	13,480,000	
	Chi đầu tư XDCB từ nguồn tiền sử dụng đất	3,400,000	
<b>II</b>	<b>Tổng cộng chi thường xuyên</b>	<b>156,592,000</b>	
1	Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	3,367,000	
	<i>Chi dân quân tự vệ</i>	1,317,000	
	<i>Chi trật tự an toàn xã hội</i>	2,050,000	
2	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	92,862,000	
3	Sự nghiệp khoa học, ĐMST và chuyển đổi số	500,000	
4	Sự nghiệp Y tế, dân số	5,830,000	
5	Sự nghiệp văn hoá thông tin	528,000	
6	Sự nghiệp phát thanh truyền hình	249,000	
7	Sự nghiệp thể dục thể thao	212,000	
8	Sự nghiệp môi trường	3,853,000	
9	Sự nghiệp kinh tế	3,244,000	
	<i>Sự nghiệp giao thông</i>	100,000	
	<i>Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi</i>	544,000	
	<i>Sự nghiệp thị chính</i>	2,000,000	
	<i>Địa chính, Quy hoạch</i>	500,000	
	<i>Các hoạt động kinh tế khác</i>	100,000	
10	QLNN, Đảng, Đoàn thể	26,792,628	
	Trong đó		
	<i>Quản lý Nhà nước</i>	15,175,448	
	<i>Đảng Cộng sản Việt Nam</i>	6,866,326	
	<i>Mặt trận Tổ quốc Việt Nam</i>	4,750,853	
11	Chi cho công tác xã hội	18,375,372	
12	Chi khác	779,000	
<b>III</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>3,630,000</b>	
<b>B</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG MỤC TIÊU VỐN SỰ NGHIỆP ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH, CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ TỪ NGÂN SÁCH TỈNH</b>	<b>3,000,000</b>	
1	Kinh phí hỗ trợ thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Sự nghiệp Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số)	2,000,000	
2	Kinh phí hỗ trợ thực hiện chỉnh lý, số hoá tài liệu, đảm bảo trang thiết bị đầu cuối	1,000,000	

(1) Tổng chi ngân sách là số địa phương được điều hành theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng và biên chế được cấp có thẩm quyền giao. Ngân sách tỉnh đã trừ tiết kiệm 10% chi thường xuyên và một phần nguồn thu được để lại theo chế độ của đơn vị sự nghiệp có thu trong dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 của các xã, phường và 40% nguồn học phí để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

Trong đó:

- Dự toán chi **sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề; Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số** là mức chi tối thiểu theo Quyết định của UBND tỉnh.
- Dự toán chi năm 2026 đã bố trí để thực hiện một số các chế độ, chính sách, như: Chính sách tặng quà chúc thọ, mừng thọ cho người cao tuổi; Kinh phí hỗ trợ các đối tượng khó khăn; Chính sách cho người được tặng huy hiệu Đảng; Kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại bộ phận một cửa; Kinh phí bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; Kinh phí hỗ trợ chi hoạt động công tác Đảng; Kinh phí hỗ trợ cho lực lượng an ninh cơ sở; Kinh phí hỗ trợ cho lực lượng dân quân tự vệ, thôn đội trưởng;...
- Đã bao gồm quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP và các chế độ, chính sách của Trung ương ban hành, gồm: (1) Miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập; (2) Hỗ trợ giáo dục mầm non; (3) Hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh khuyết tật; (4) Hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người DTTS; (5) Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên DTTS rất ít người; (6) Chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng BTXH; (7) Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ CSXH; (8) Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào DTTS; (9) Chính sách trợ cấp hưu trí xã hội; Sẽ xác định chính thức căn cứ báo cáo kết quả thực hiện năm 2026 của từng địa phương.

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số: 1850/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND xã Đồng Thịnh)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán thu UBN tỉnh giao		Dự toán thu UBND xã giao		Ghi chú
		NSNN	NSX	NSNN	NSX	
1	2	3	4	5	6	7
	<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>188,153,000</b>	<b>180,102,000</b>	<b>188,153,000</b>	<b>180,102,000</b>	
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>700,000</b>	<b>700,000</b>	<b>700,000</b>	<b>700,000</b>	
1	Phí, lệ phí	300,000	300,000	300,000	300,000	
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	250,000	250,000	250,000	250,000	
3	Thu hỗ trợ khi nhà nước Thu hồi đất theo chế độ quy định					
4	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp					
5	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định					
6	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định					
7	Đóng góp của nhân dân theo quy định					
8	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân					
9	Thu khác	150,000	150,000	150,000	150,000	
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>16,190,000</b>	<b>8,139,000</b>	<b>16,190,000</b>	<b>8,139,000</b>	
<b>1</b>	<b>Các khoản thu phân chia</b>	<b>3,350,000</b>	<b>940,000</b>	<b>3,350,000</b>	<b>940,000</b>	
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	50,000	50,000	50,000	50,000	
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình					
1.3	Thuế môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh					
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	3,300,000	890,000	3,300,000	890,000	
<b>2</b>	<b>Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định</b>	<b>12,840,000</b>	<b>7,199,000</b>	<b>12,840,000</b>	<b>7,199,000</b>	
2.1	Thu tiền dụng đất ở	8,000,000	3,400,000	8,000,000	3,400,000	
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	210,000	89,000	210,000	89,000	
2.3	Thuế giá trị gia tăng	2,190,000	2,080,000	2,190,000	2,080,000	
2.4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	540,000	410,000	540,000	410,000	
2.5	Thuế thu nhập cá nhân	1,250,000	1,220,000	1,250,000	1,220,000	
2.6	Thu khác ngân sách	650,000	0	650,000	0	
<b>III</b>	<b>Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>					
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>					
<b>V</b>	<b>Thu kết dư ngân sách năm trước</b>					
<b>VI</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>171,263,000</b>	<b>171,263,000</b>	<b>171,263,000</b>	<b>171,263,000</b>	
1	Bổ sung cân đối ngân sách	168,263,000	168,263,000	168,263,000	168,263,000	
2	Bổ sung có mục tiêu	3,000,000	3,000,000	3,000,000	3,000,000	